

Họ và tên:

Lớp:

Toán 4 – Bài 12 các số trong phạm vi lớp triệu

Phần I. Trắc nghiệm

Phần II. Tự luận

Bài 1. Cho mỗi số, hãy cho biết chữ số được nêu thuộc lớp nào.

- a) Trong số 1 000 000, chữ số 1 thuộc
- b) Trong số 214 104, chữ số 0 thuộc
- c) Trong số 655 247, chữ số 6 thuộc
- d) Trong số 776 301, chữ số 6 thuộc
- e) Trong số 439 938, chữ số 4 thuộc
- f) Trong số 858 111, chữ số 5 thuộc
- g) Trong số 352 373, chữ số 7 thuộc
- h) Trong số 372 659, chữ số 5 thuộc

————— Hướng dẫn giải —————

Đáp án:

- a) lớp triệu / triệu
- b) lớp đơn vị / đơn vị
- c) lớp nghìn / nghìn
- d) lớp nghìn / nghìn
- e) lớp nghìn / nghìn
- f) lớp nghìn / nghìn
- g) lớp đơn vị / đơn vị
- h) lớp đơn vị / đơn vị

Giải thích:

- a) Chữ số 1 trong số 1 000 000 đứng ở hàng triệu. hàng triệu thuộc lớp triệu. Vì chữ số 1 chỉ xuất hiện một lần trong số đã cho nên lớp cần xác định là lớp triệu.
- b) Chữ số 0 trong số 214 104 đứng ở hàng chục. hàng chục thuộc lớp đơn vị. Vì chữ số 0 chỉ xuất hiện một lần trong số đã cho nên lớp cần xác định là lớp đơn vị.
- c) Chữ số 6 trong số 655 247 đứng ở hàng trăm nghìn. hàng trăm nghìn thuộc lớp nghìn. Vì chữ số 6 chỉ xuất hiện một lần trong số đã cho nên lớp cần xác định là lớp nghìn.
- d) Chữ số 6 trong số 776 301 đứng ở hàng nghìn. hàng nghìn thuộc lớp nghìn. Vì chữ số 6 chỉ xuất hiện một lần trong số đã cho nên lớp cần xác định là lớp nghìn.
- e) Chữ số 4 trong số 439 938 đứng ở hàng trăm nghìn. hàng trăm nghìn thuộc lớp nghìn. Vì chữ số 4 chỉ xuất hiện một lần trong số đã cho nên lớp cần xác định là lớp nghìn.
- f) Chữ số 5 trong số 858 111 đứng ở hàng chục nghìn. hàng chục nghìn thuộc lớp nghìn. Vì chữ số 5 chỉ xuất hiện một lần trong số đã cho nên lớp cần xác định là lớp nghìn.
- g) Chữ số 7 trong số 352 373 đứng ở hàng chục. hàng chục thuộc lớp đơn vị. Vì chữ số 7 chỉ xuất hiện một lần trong số đã cho nên lớp cần xác định là lớp đơn vị.
- h) Chữ số 5 trong số 372 659 đứng ở hàng chục. hàng chục thuộc lớp đơn vị. Vì chữ số 5 chỉ xuất hiện một lần trong số đã cho nên lớp cần xác định là lớp đơn vị.

Bài 2. Điền nhóm chữ số thuộc lớp triệu của mỗi số sau.

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| a) Số 746 450 101: Lớp triệu là | b) Số 536 218 681: Lớp triệu là |
| c) Số 67 620 605: Lớp triệu là | d) Số 1 148 778: Lớp triệu là |
| e) Số 31 312 444: Lớp triệu là | f) Số 7 756 948: Lớp triệu là |
| g) Số 370 172 150: Lớp triệu là | h) Số 54 904 447: Lớp triệu là |

————— Hướng dẫn giải —————



Đáp án:

- a) 746
- b) 536
- c) 67
- d) 1
- e) 31
- f) 7
- g) 370
- h) 54

Giải thích:

- a) Tách số 746 450 101 thành các lớp ba chữ số từ phải sang trái. Nhóm chữ số ở bên trái lớp nghìn là lớp triệu, nên lớp triệu là 746.
- b) Tách số 536 218 681 thành các lớp ba chữ số từ phải sang trái. Nhóm chữ số ở bên trái lớp nghìn là lớp triệu, nên lớp triệu là 536.
- c) Tách số 67 620 605 thành các lớp ba chữ số từ phải sang trái. Nhóm chữ số ở bên trái lớp nghìn là lớp triệu, nên lớp triệu là 67.
- d) Tách số 1 148 778 thành các lớp ba chữ số từ phải sang trái. Nhóm chữ số ở bên trái lớp nghìn là lớp triệu, nên lớp triệu là 1.
- e) Tách số 31 312 444 thành các lớp ba chữ số từ phải sang trái. Nhóm chữ số ở bên trái lớp nghìn là lớp triệu, nên lớp triệu là 31.
- f) Tách số 7 756 948 thành các lớp ba chữ số từ phải sang trái. Nhóm chữ số ở bên trái lớp nghìn là lớp triệu, nên lớp triệu là 7.
- g) Tách số 370 172 150 thành các lớp ba chữ số từ phải sang trái. Nhóm chữ số ở bên trái lớp nghìn là lớp triệu, nên lớp triệu là 370.
- h) Tách số 54 904 447 thành các lớp ba chữ số từ phải sang trái. Nhóm chữ số ở bên trái lớp nghìn là lớp triệu, nên lớp triệu là 54.

Bài 3. Điền chữ số thích hợp vào chỗ trống.

- | | |
|--|--|
| a) Trong số 42 960, chữ số ở hàng đơn vị là | b) Trong số 40 032, chữ số ở hàng nghìn là |
| c) Trong số 28 714, chữ số ở hàng chục là | d) Trong số 87 178, chữ số ở hàng trăm là |
| e) Trong số 27 950, chữ số ở hàng trăm là | f) Trong số 81 234, chữ số ở hàng đơn vị là |
| g) Trong số 10 719, chữ số ở hàng chục nghìn là | h) Trong số 75 829, chữ số ở hàng chục nghìn là |

Hướng dẫn giải**Đáp án:**

- a) 0
- b) 0
- c) 1
- d) 1
- e) 9
- f) 4
- g) 1
- h) 7

Giải thích:

- a) Xét các hàng của số 42 960 từ phải sang trái theo thứ tự: đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn. Chữ số ở hàng đơn vị là 0, nên cần điền 0.
- b) Xét các hàng của số 40 032 từ phải sang trái theo thứ tự: đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn. Chữ số ở hàng nghìn là 0, nên cần điền 0.
- c) Xét các hàng của số 28 714 từ phải sang trái theo thứ tự: đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn. Chữ số ở hàng chục là 1, nên cần điền 1.
- d) Xét các hàng của số 87 178 từ phải sang trái theo thứ tự: đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn. Chữ số ở hàng trăm là 1, nên cần điền 1.

- e) Xét các hàng của số 27 950 từ phải sang trái theo thứ tự: đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn. Chữ số ở hàng trăm là 9, nên cần điền 9.
- f) Xét các hàng của số 81 234 từ phải sang trái theo thứ tự: đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn. Chữ số ở hàng đơn vị là 4, nên cần điền 4.
- g) Xét các hàng của số 10 719 từ phải sang trái theo thứ tự: đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn. Chữ số ở hàng chục nghìn là 1, nên cần điền 1.
- h) Xét các hàng của số 75 829 từ phải sang trái theo thứ tự: đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn. Chữ số ở hàng chục nghìn là 7, nên cần điền 7.

Bài 4. Điền lớp cao nhất của mỗi số.

- a) Trong số 354 749, lớp cao nhất là lớp
- b) Trong số 424, lớp cao nhất là lớp
- c) Trong số 418, lớp cao nhất là lớp
- d) Trong số 932 124 962, lớp cao nhất là lớp
- e) Trong số 172 001 960, lớp cao nhất là lớp
- f) Trong số 189 191, lớp cao nhất là lớp
- g) Trong số 972 373 740, lớp cao nhất là lớp
- h) Trong số 788 239, lớp cao nhất là lớp

————— **Hướng dẫn giải** —————

Đáp án:

- a) nghìn / Nghìn / lớp nghìn / Lớp nghìn
- b) đơn vị / Đơn vị / lớp đơn vị / Lớp đơn vị
- c) đơn vị / Đơn vị / lớp đơn vị / Lớp đơn vị
- d) triệu / Triệu / lớp triệu / Lớp triệu
- e) triệu / Triệu / lớp triệu / Lớp triệu
- f) nghìn / Nghìn / lớp nghìn / Lớp nghìn
- g) triệu / Triệu / lớp triệu / Lớp triệu
- h) nghìn / Nghìn / lớp nghìn / Lớp nghìn

Giải thích:

- a) Số 354 749 có 6 chữ số. Hàng cao nhất của số này thuộc lớp nghìn, nên lớp cao nhất là lớp nghìn.
- b) Số 424 có 3 chữ số. Hàng cao nhất của số này thuộc lớp đơn vị, nên lớp cao nhất là lớp đơn vị.
- c) Số 418 có 3 chữ số. Hàng cao nhất của số này thuộc lớp đơn vị, nên lớp cao nhất là lớp đơn vị.
- d) Số 932 124 962 có 9 chữ số. Hàng cao nhất của số này thuộc lớp triệu, nên lớp cao nhất là lớp triệu.
- e) Số 172 001 960 có 9 chữ số. Hàng cao nhất của số này thuộc lớp triệu, nên lớp cao nhất là lớp triệu.
- f) Số 189 191 có 6 chữ số. Hàng cao nhất của số này thuộc lớp nghìn, nên lớp cao nhất là lớp nghìn.
- g) Số 972 373 740 có 9 chữ số. Hàng cao nhất của số này thuộc lớp triệu, nên lớp cao nhất là lớp triệu.
- h) Số 788 239 có 6 chữ số. Hàng cao nhất của số này thuộc lớp nghìn, nên lớp cao nhất là lớp nghìn.

Bài 5. Điền tên lớp còn thiếu vào chỗ trống trong cách đọc mỗi số.

- a) Số 531 432 028 đọc là: năm trăm ba mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai không trăm hai mươi tám.
- b) Số 618 457 152 đọc là: sáu trăm mười tám bốn trăm năm mươi bảy nghìn một trăm năm mươi hai.
- c) Số 19 325 533 đọc là: mười chín triệu ba trăm hai mươi lăm năm trăm ba mươi ba.
- d) Số 647 684 631 đọc là: sáu trăm bốn mươi bảy sáu trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi mốt.

————— **Hướng dẫn giải** —————

Đáp án:

- a) nghìn / Nghìn
- b) triệu / Triệu
- c) nghìn / Nghìn

d) triệu / Triệu

Giải thích:

- a) Số 531 432 028 được đọc từ trái sang phải theo từng lớp. Khi đọc số, tên lớp triệu và lớp nghìn được đọc kèm, còn lớp đơn vị không đọc tên lớp. Chỗ trống đang thay cho tên lớp “nghìn”.
- b) Số 618 457 152 được đọc từ trái sang phải theo từng lớp. Khi đọc số, tên lớp triệu và lớp nghìn được đọc kèm, còn lớp đơn vị không đọc tên lớp. Chỗ trống đang thay cho tên lớp “triệu”.
- c) Số 19 325 533 được đọc từ trái sang phải theo từng lớp. Khi đọc số, tên lớp triệu và lớp nghìn được đọc kèm, còn lớp đơn vị không đọc tên lớp. Chỗ trống đang thay cho tên lớp “nghìn”.
- d) Số 647 684 631 được đọc từ trái sang phải theo từng lớp. Khi đọc số, tên lớp triệu và lớp nghìn được đọc kèm, còn lớp đơn vị không đọc tên lớp. Chỗ trống đang thay cho tên lớp “triệu”.

Bài 6. Viết cách đọc của các số sau.

- a) Số 496 390 đọc là
- b) Số 567 820 000 đọc là
- c) Số 900 490 105 đọc là
- d) Số 941 000 780 đọc là

Hướng dẫn giải

Đáp án:

- a) bốn trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi / Bốn trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi
- b) năm trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn / Năm trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn
- c) chín trăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn một trăm linh năm / Chín trăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn một trăm linh năm
- d) chín trăm bốn mươi một triệu bảy trăm tám mươi / Chín trăm bốn mươi một triệu bảy trăm tám mươi

Giải thích:

- a) Ta nhóm các chữ số của số 496 390 thành từng lớp ba chữ số từ phải sang trái, rồi đọc lần lượt từ lớp lớn đến lớp bé. Cách đọc đúng là: bốn trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi.
- b) Ta nhóm các chữ số của số 567 820 000 thành từng lớp ba chữ số từ phải sang trái, rồi đọc lần lượt từ lớp lớn đến lớp bé. Cách đọc đúng là: năm trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn.
- c) Ta nhóm các chữ số của số 900 490 105 thành từng lớp ba chữ số từ phải sang trái, rồi đọc lần lượt từ lớp lớn đến lớp bé. Cách đọc đúng là: chín trăm triệu bốn trăm chín mươi nghìn một trăm linh năm.
- d) Ta nhóm các chữ số của số 941 000 780 thành từng lớp ba chữ số từ phải sang trái, rồi đọc lần lượt từ lớp lớn đến lớp bé. Cách đọc đúng là: chín trăm bốn mươi một triệu bảy trăm tám mươi.

Bài 7. Điền Đ nếu phát biểu đúng, điền S nếu phát biểu sai.

- a) Trong số 5 531 550, chữ số 3 thuộc lớp nghìn: ... b) Trong số 912 328, chữ số 8 thuộc lớp triệu: ...
- c) Trong số 418 736 137, chữ số 4 thuộc lớp triệu: ... d) Trong số 817 922 105, chữ số 8 thuộc lớp đơn vị: ...
- e) Trong số 328 052 798, chữ số 3 thuộc lớp đơn vị: ... f) Trong số 4 192 254, chữ số 1 thuộc lớp triệu: ...
- g) Trong số 24 976, chữ số 2 thuộc lớp nghìn: ... h) Trong số 38 668 970, chữ số 0 thuộc lớp đơn vị: ...

Hướng dẫn giải

Đáp án:

- a) Đ
- b) S
- c) Đ
- d) S
- e) S
- f) S

g) Đ

h) Đ

Giải thích:

a) Chữ số 3 xuất hiện đúng một lần trong số 5 531 550. Chữ số này ở hàng chục nghìn, thuộc lớp nghìn. Vì phát biểu nêu lớp nghìn nên đáp án là Đ.

b) Chữ số 8 xuất hiện đúng một lần trong số 912 328. Chữ số này ở hàng đơn vị, thuộc lớp đơn vị. Vì phát biểu nêu lớp triệu nên đáp án là S.

c) Chữ số 4 xuất hiện đúng một lần trong số 418 736 137. Chữ số này ở hàng trăm triệu, thuộc lớp triệu. Vì phát biểu nêu lớp triệu nên đáp án là Đ.

d) Chữ số 8 xuất hiện đúng một lần trong số 817 922 105. Chữ số này ở hàng trăm triệu, thuộc lớp triệu. Vì phát biểu nêu lớp đơn vị nên đáp án là S.

e) Chữ số 3 xuất hiện đúng một lần trong số 328 052 798. Chữ số này ở hàng trăm triệu, thuộc lớp triệu. Vì phát biểu nêu lớp đơn vị nên đáp án là S.

f) Chữ số 1 xuất hiện đúng một lần trong số 4 192 254. Chữ số này ở hàng trăm nghìn, thuộc lớp nghìn. Vì phát biểu nêu lớp triệu nên đáp án là S.

g) Chữ số 2 xuất hiện đúng một lần trong số 24 976. Chữ số này ở hàng chục nghìn, thuộc lớp nghìn. Vì phát biểu nêu lớp nghìn nên đáp án là Đ.

h) Chữ số 0 xuất hiện đúng một lần trong số 38 668 970. Chữ số này ở hàng đơn vị, thuộc lớp đơn vị. Vì phát biểu nêu lớp đơn vị nên đáp án là Đ.

Bài 8. Điền giá trị của chữ số được nêu trong mỗi số.

a) Trong số 477 128, giá trị của chữ số 8 ở hàng đơn vị là

b) Trong số 535 260, giá trị của chữ số 2 ở hàng trăm là

c) Trong số 354 636, giá trị của chữ số 4 ở hàng nghìn là

d) Trong số 838 858, giá trị của chữ số 5 ở hàng chục là

e) Trong số 533 443, giá trị của chữ số 5 ở hàng trăm nghìn là

f) Trong số 791 090, giá trị của chữ số 9 ở hàng chục nghìn là

g) Trong số 981 727, giá trị của chữ số 2 ở hàng chục là

h) Trong số 505 264, giá trị của chữ số 2 ở hàng trăm là

———— **Hướng dẫn giải** ————

Đáp án:

a) 8

b) 200

c) 4000

d) 50

e) 500 000

f) 90 000

g) 20

h) 200

Giải thích:

a) Số 477 128 có chữ số 8 ở hàng đơn vị. Giá trị của chữ số đó là 8.

b) Số 535 260 có chữ số 2 ở hàng trăm. Giá trị của chữ số đó là 200.

c) Số 354 636 có chữ số 4 ở hàng nghìn. Giá trị của chữ số đó là 4000.

d) Số 838 858 có chữ số 5 ở hàng chục. Giá trị của chữ số đó là 50.

e) Số 533 443 có chữ số 5 ở hàng trăm nghìn. Giá trị của chữ số đó là 500 000.

f) Số 791 090 có chữ số 9 ở hàng chục nghìn. Giá trị của chữ số đó là 90 000.

g) Số 981 727 có chữ số 2 ở hàng chục. Giá trị của chữ số đó là 20.

h) Số 505 264 có chữ số 2 ở hàng trăm. Giá trị của chữ số đó là 200.

Bài 9. Điền tên lớp của chữ số được hỏi trong mỗi số sau. Chỉ điền một trong các cụm: lớp đơn vị; lớp nghìn; lớp triệu.

- a) Trong số 6 875 883, chữ số 6 thuộc
b) Trong số 981 095 794, chữ số 5 thuộc
c) Trong số 6182, chữ số 8 thuộc
d) Trong số 2 646 807, chữ số 2 thuộc

————— **Hướng dẫn giải** —————

Đáp án:

- a) lớp triệu / Lớp triệu
b) lớp nghìn / Lớp nghìn
c) lớp đơn vị / Lớp đơn vị
d) lớp triệu / Lớp triệu

Giải thích:

- a) Mỗi lớp gồm ba chữ số tính từ phải sang trái. Trong số 6 875 883, chữ số 6 nằm ở lớp triệu, nên cần điền: lớp triệu.
b) Mỗi lớp gồm ba chữ số tính từ phải sang trái. Trong số 981 095 794, chữ số 5 nằm ở lớp nghìn, nên cần điền: lớp nghìn.
c) Mỗi lớp gồm ba chữ số tính từ phải sang trái. Trong số 6182, chữ số 8 nằm ở lớp đơn vị, nên cần điền: lớp đơn vị.
d) Mỗi lớp gồm ba chữ số tính từ phải sang trái. Trong số 2 646 807, chữ số 2 nằm ở lớp triệu, nên cần điền: lớp triệu.

Bài 10. Điền giá trị của chữ số được nêu trong mỗi số.

- a) Trong số 340 814, giá trị của chữ số 4 ở hàng đơn vị là
b) Trong số 436 712, giá trị của chữ số 3 ở hàng chục nghìn là
c) Trong số 725 220, giá trị của chữ số 7 ở hàng trăm nghìn là
d) Trong số 546 830, giá trị của chữ số 5 ở hàng trăm nghìn là
e) Trong số 185 891, giá trị của chữ số 5 ở hàng nghìn là
f) Trong số 153 923, giá trị của chữ số 3 ở hàng đơn vị là
g) Trong số 233 665, giá trị của chữ số 3 ở hàng nghìn là
h) Trong số 416 270, giá trị của chữ số 4 ở hàng trăm nghìn là

————— **Hướng dẫn giải** —————

Đáp án:

- a) 4
b) 30 000
c) 700 000
d) 500 000
e) 5000
f) 3
g) 3000
h) 400 000

Giải thích:

- a) Số 340 814 có chữ số 4 ở hàng đơn vị. Giá trị của chữ số đó là 4.
b) Số 436 712 có chữ số 3 ở hàng chục nghìn. Giá trị của chữ số đó là 30 000.
c) Số 725 220 có chữ số 7 ở hàng trăm nghìn. Giá trị của chữ số đó là 700 000.
d) Số 546 830 có chữ số 5 ở hàng trăm nghìn. Giá trị của chữ số đó là 500 000.
e) Số 185 891 có chữ số 5 ở hàng nghìn. Giá trị của chữ số đó là 5000.
f) Số 153 923 có chữ số 3 ở hàng đơn vị. Giá trị của chữ số đó là 3.
g) Số 233 665 có chữ số 3 ở hàng nghìn. Giá trị của chữ số đó là 3000.
h) Số 416 270 có chữ số 4 ở hàng trăm nghìn. Giá trị của chữ số đó là 400 000.

----**HẾT**----

